

Hà nội, ngày 19 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng Sáu năm 2015

Ngay từ đầu năm, trong không khí thi đua chào mừng các ngày lễ lớn và đại hội Đảng bộ các cấp. Các cấp, các ngành và nhân dân Thủ đô đã triển khai quyết liệt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu 6 tháng năm 2015 như sau: Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 7,8%; vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tăng 10,4%; tổng mức bán hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng 10,5%; kim ngạch xuất khẩu giảm 1,2%...

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng năm 2015 tăng 7,8% so cùng kỳ năm trước.

Tổng sản phẩm trên địa bàn 6 tháng năm 2015
(Giá so sánh năm 2010)

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

	6 tháng 2014	6 tháng 2015	Tốc độ tăng 6 tháng 2015 so cùng kỳ (%)	Đóng góp vào tốc độ tăng (%)
Tổng số	174363	187879	7,8	7,8
<i>Chia theo khu vực kinh tế</i>				
- Nông lâm thuỷ sản	8613	8857	2,8	0,1
- Công nghiệp xây dựng	71819	77300	7,6	3,2
+ Công nghiệp	53618	57196	6,7	2,1
+ Xây dựng	18201	20104	10,5	1,1
- Dịch vụ	93931	101722	8,3	4,5

- Giá trị tăng thêm ngành nông - lâm - thuỷ sản tăng 2,8% so cùng kỳ năm trước (đóng góp 0,1% vào mức tăng chung). Vụ đông năm nay, thời tiết đầu năm có một số đợt rét đậm nhưng không kéo dài nên vẫn tương đối thuận

lợi cho sản xuất nông nghiệp. Vụ xuân, năng suất lúa và hoa màu không cao, nguyên nhân do thời tiết đầu vụ gieo cấy nắng ấm, nhiệt độ trung bình cao nên khi cấy xong cây lúa phát triển nhanh. Đến thời kỳ lúa đẻ nhánh, làm đồng lượng mưa ít, kèm theo sâu bệnh gây hại cục bộ ở một số diện tích lúa và hoa màu nên đã ảnh hưởng tới năng suất. Cây lâu năm có sự biến động về cơ cấu các loại cây trồng phù hợp với điều kiện canh tác của từng địa phương nên đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm ổn định, không xảy ra các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm. Giá cả đầu vào, đầu ra như giống, thức ăn chăn nuôi ổn định, đã tạo điều kiện cho người dân trên địa bàn Thành phố phát triển chăn nuôi. Thủy sản phát triển tốt do thay đổi hình thức nuôi ở trình độ kỹ thuật cao, tuân thủ theo các qui tắc kỹ thuật tác động đến quá trình phát triển và sinh trưởng của con giống, nên cho năng suất cao hơn so với phương pháp nuôi truyền thống. Mô hình chuyển đổi mục đích sản xuất, từ trồng cây hàng năm sang nuôi trồng thủy sản, đã tạo điều kiện để ngành nuôi trồng thủy sản phát triển.

- Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp - xây dựng tăng 7,6% so cùng kỳ năm trước (đóng góp 3,2% vào mức tăng chung).

Nhìn chung sản xuất công nghiệp sau một thời gian dài với nhiều khó khăn và giữ nhịp độ tăng trưởng chậm đã có những tín hiệu tốt, tuy chưa thực sự đột phá nhưng đã cho thấy sự phục hồi khả quan của sản xuất công nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung trong thời gian tới. So với cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2014, nhiều ngành chiếm tỷ trọng lớn có tốc độ tăng khá. Tuy chỉ số tồn kho sản phẩm nhìn chung vẫn ở mức cao nhưng xét theo chỉ số sản xuất và chỉ số tiêu thụ sản phẩm thì kết quả chung đã phản ánh sản xuất phục hồi và đã được đẩy mạnh, sức tiêu thụ sản phẩm đã có những chuyển biến tích cực hơn so với năm trước. Dự báo trong những tháng tới, sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội sẽ ổn định và đạt mức tăng trưởng khả quan hơn so với năm 2014.

Ngành xây dựng có mức tăng trưởng khá. Ước 6 tháng đầu năm, giá trị gia tăng ngành này tăng 10,5% (cùng kỳ 2014 tăng 8,9%). Ngay từ cuối năm 2014 và đầu năm 2015, nhiều dự án phát triển giao thông đã được khởi công xây dựng và được ngành giao thông tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ để sớm đưa vào sử dụng, đặc biệt là những dự án phát triển đường cao tốc. Các dự án phát triển hạ tầng, phát triển đô thị đã được chủ đầu tư quan tâm giải ngân bám sát theo khối lượng thi công. Các nhà thầu tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi, đẩy nhanh tiến độ thi công nhằm đảm bảo đúng cam kết với chủ đầu tư, khách hàng.

- Giá trị tăng thêm các ngành dịch vụ tăng 8,3% so cùng kỳ năm trước (đóng góp 4,5% vào mức tăng chung).

Khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hoá và hành khách của các doanh nghiệp vận tải Hà Nội tăng đáng kể. Ngành vận tải, bưu chính viễn thông có mức tăng khá. Hoạt động du lịch tiếp tục phát triển. Khách tham quan, du lịch Hà Nội tăng khá, nhất là dịp Tết. Tổng nguồn vốn huy động và dư nợ của các tổ chức tín dụng tăng khá so cùng kỳ năm trước. Thị trường bất động sản đang có dấu hiệu ấm dần lên. Các giao dịch bất động sản thành công đạt tỷ lệ cao so với cùng kỳ năm trước. Thành phố đã thực hiện một số giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản như: điều chỉnh cơ cấu căn hộ nhà thương mại, chuyển đổi nhà ở thương mại sang làm nhà ở xã hội... Các ngành khối hành chính sự nghiệp như quản lý nhà nước, giáo dục, văn hoá, y tế... vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá.

2. Sản xuất công nghiệp

2.1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP) tháng Sáu năm 2015 tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành khai khoáng giảm 10,3% và 37,4%; Công nghiệp chế biến chế tạo tăng 0,9% và 7,6%; Sản xuất và phân phối điện ổn định so với tháng trước và tăng 3% so với cùng kỳ năm trước; Cung cấp nước và hoạt động thu gom xử lý rác, nước thải tăng không đáng kể so với tháng trước và tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước.

Cộng dồn 6 tháng năm 2015, chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành khai khoáng giảm 13,1%; Công nghiệp chế biến chế tạo tăng 7%; Sản xuất và phân phối điện tăng 11,1%; Cung cấp nước và hoạt động thu gom xử lý rác, nước thải giảm 1,3% (do năm nay mực nước hạ lưu sông và mực nước ngầm giảm thấp so với vài năm gần đây đã ảnh hưởng đến hoạt động khai thác sản xuất nước sạch).

Nhìn chung sản xuất công nghiệp sau một thời gian dài với nhiều khó khăn và giữ nhịp độ tăng trưởng chậm đã có những tín hiệu tốt, tuy chưa thực sự đột phá nhưng đã cho thấy sự phục hồi khả quan của sản xuất công nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung trong thời gian tới.

Một số ngành có tốc độ tăng chỉ số sản xuất cao so với tốc độ tăng chung của toàn ngành như: Sản xuất trang phục (tăng 19%); Chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, mây tre giang (tăng 39%); Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (tăng 21,3%); Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (tăng 9%); Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (tăng 23,5%); Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi

kim loại khác (tăng 16,5%); Sản xuất xe có động cơ (tăng 39,3%); Sản xuất và phân phối điện (tăng 11,1%)... Một số ngành, do vẫn chưa thoát ra được khó khăn về tiêu thụ sản phẩm, hoặc thiếu vốn lưu động cho sản xuất... có chỉ số sản xuất giảm so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất chế biến thực phẩm (giảm 7,8%); công nghiệp dệt (giảm 9,6%); sản xuất sản phẩm cao su, plastic (giảm 14%); sản xuất kim loại (giảm 18,4%)...

Tháng Sáu năm 2015 so với tháng trước, một số sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp Hà Nội tăng như: Bia lon tăng 7,2%; Sợi tơ bông tổng hợp tăng 5,1%; áo sơ mi cho người lớn dệt kim tăng 3,4%; Quần áo thể thao tăng 3,4%; Bê tông thương phẩm tăng 6,5%; Vi mạch điện tử tích hợp tăng 22,2%; Tủ lạnh tăng 5,8%; Máy giặt tăng 2,1%; Ô tô trên 10 chỗ tăng 1,9%; Ô tô tải tăng 2,6%...

Năm tháng đầu năm 2015, chỉ số tiêu thụ sản phẩm toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, những ngành có chỉ số tiêu thụ sản phẩm tăng khá so với bình quân chung toàn ngành như: Sản xuất trang phục (tăng 12,1%); Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (tăng 66,8%); Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (tăng 60,1%); Sản phẩm từ cao su plastic (tăng 22,7%); Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (tăng 30,7%); Xe có động cơ (tăng 88,6%); Giường tủ bàn ghế (tăng 17,7%)... Một số ngành sản xuất có chỉ số tiêu thụ sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất chế biến thực phẩm (giảm 21,4%); Công nghiệp dệt (giảm 16%); Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (giảm 13,8%); Sản xuất kim loại (giảm 28,2%)...

Chỉ số tồn kho tại thời điểm 01/6/2015 của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 46,4% so với cùng thời điểm năm trước. Một số ngành sản phẩm sức tiêu thụ sản phẩm còn chậm, nhiều khó khăn, lượng tồn kho ứ đọng kéo dài, mức tồn kho cộng dồn tương đối cao so với cùng kỳ như: Sản xuất chế biến thực phẩm (tăng 30,5%); Chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, mây tre giang đan (tăng 106%); Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (tăng 117,1%)...

Tuy chỉ số tồn kho sản phẩm, nhìn chung vẫn ở mức cao, nhưng xét theo chỉ số sản xuất và chỉ số tiêu thụ sản phẩm thì kết quả chung đã phản ánh sản xuất phục hồi và đã được đẩy mạnh, sức tiêu thụ sản phẩm đã có những chuyển biến tích cực và khả quan hơn so với năm 2014.

2.2. Tình hình biến động lao động trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp: Tháng Sáu năm 2015, chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tăng 0,23% so với tháng trước và tăng 0,22% so

cùng kỳ năm trước. Trong đó: khu vực kinh tế nhà nước giảm 1,7% so cùng kỳ, khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng 0,2% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,2%.

Một số ngành kinh tế có chỉ số sử dụng lao động trong tháng tăng so cùng kỳ là: sản xuất trang phục (tăng 9,2%), sản xuất thuốc lá (tăng 8,6%), sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (tăng 3,5%), sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (tăng 2,7%), sản xuất kim loại (tăng 6,4%) , sản xuất xe có động cơ (tăng 15,5%), sản xuất giường tủ (tăng 11,8%)... Một số ngành, chỉ số sử dụng lao động giảm là: sản xuất đồ uống (giảm 15,2%), dệt (giảm 10,2%), chế biến gỗ (giảm 22,8%), sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (giảm 1,4%), sản xuất thiết bị điện (giảm 4,1%), sản xuất phương tiện vận tải khác (giảm 0,9%)...

3. Xây dựng cơ bản

3.1. Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn (vốn đầu tư xã hội): Ước tính 6 tháng năm 2015 đạt 136.956 tỷ đồng, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: vốn nhà nước trên địa bàn, tăng 1,4%; vốn ngoài nhà nước tăng 15,4%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 0,9% so với cùng kỳ.

Chia theo khoản mục đầu tư: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, chiếm tỷ trọng 32,2%, tăng 26% so cùng kỳ năm trước; Vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất, chiếm tỷ trọng 23,6%, tăng 3,4%; Vốn đầu tư sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản, chiếm tỷ trọng 3,1%, tăng 5,8%; Vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động, chiếm tỷ trọng 38,8%, tăng 4,9%; Vốn đầu tư khác, chiếm tỷ trọng 2,3%, tăng 1,3%.

Thành phố cơ cấu lại đầu tư công theo hướng bố trí vốn tập trung, khắc phục cơ bản tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản và công tác quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước được tăng cường, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo các công trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện đạt yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng và tiến độ đề ra. Cuối tháng Năm, UBND Thành phố Hà Nội đã ra Chỉ thị về việc tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công. Theo đó Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Lãnh đạo các Tổng công ty, Công ty nhà nước và các chủ đầu tư có sử dụng nguồn vốn đầu tư công khẩn trương triển khai thực hiện, tăng cường trách nhiệm, kiểm soát chặt chẽ công tác lập, trình, thẩm định, phê duyệt mới, phê duyệt điều chỉnh và triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định, đảm bảo đầu tư tập trung, hiệu quả và chấn chỉnh công tác quản lý để đảm bảo không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công.

Nhìn chung, các chủ đầu tư, ban quản lý, đơn vị thi công các công trình trọng điểm của thành phố đều thực hiện đúng tiến độ yêu cầu, 6 tháng đầu năm đã thực hiện được trên 50% kế hoạch năm và đều có nhu cầu bổ sung thêm vốn trong năm 2015 phục vụ công tác giải phóng mặt bằng và thực hiện thi công. Công tác giải ngân kế hoạch vốn 6 tháng đầu năm 2015 kịp thời, bám sát tiến độ thi công.

*** Tiến độ một số công trình trên địa bàn thành phố:**

- Dự án thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội, tổng số 14 gói thầu đã hoàn thành và bàn giao 05 gói; đang triển khai thi công 09 gói theo tiến độ, trong các gói thầu đang triển khai thi công đã có một số hạng mục đã hoàn thành thi công, bàn giao tạm thời và đưa vào vận hành, sử dụng gồm: Gói thầu số 9 (xây dựng cống) với 45/46 tuyến cống, gói thầu số 3 (cải tạo kênh mương thoát nước lưu vực sông Tô Lịch, Hoàng Liệt, Lừ Sét), gói thầu số 4 (cải tạo kênh mương thoát nước lưu vực sông Kim Ngưu).

- Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - ga Hà Nội: Dự án gồm 9 gói thầu chính (5 gói thầu xây lắp và 4 gói thầu thiết bị). Hiện Ban quản lý dự án đã ký hợp đồng 4 gói xây lắp (CP01, CP02, CP04, CP05) đang triển khai đấu thầu các gói thầu còn lại (CP03, CP06, CP07, CP08, CP09) đến nay đã đáp ứng được tiến độ điều chỉnh dự án.

- Dự án đường vành đai 2 đoạn Ngã Tư Sở - Ngã Tư Vọng: Đoạn Tôn Thất Tùng - Sông Lừ (gồm cầu L5 qua sông Lừ) đã cơ bản hoàn thành đồng bộ toàn tuyến thảm mìn, hè cây xanh, chiếu sáng... (cầu L5 đã hoàn thành đơn nguyên trái tuyến, dự kiến thi công cầu L5 hoàn thành trong quý 3/2015); Đoạn Sông Lừ - Ngã Tư Vọng: đã thi công trên mặt bằng đã có, dự kiến hoàn thành trong năm 2015; Đoạn Tôn Thất Tùng - Ngã Tư Sở: Đã tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công để trong năm 2015 thông xe trước làn đường phía Thanh Xuân, tổ chức thi công làn đường phía Đống Đa để hoàn thành toàn bộ công trình trong quý 1/2016.

3.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài và đăng ký thành lập doanh nghiệp:

Đầu tư nước ngoài 6 tháng ước đạt 501 triệu USD, bằng 86% so với cùng kỳ năm 2014. Một số dự án đang đẩy nhanh thủ tục cấp phép: Tổ hợp Metropolis Hà Nội (222,4 triệu USD), Công ty TNHH Lotte Coral (tăng 30 triệu USD), Bách hóa tổng hợp và siêu thị Aeon-Long Biên (15 triệu USD), Siêu thị Lotte (tăng 14 triệu USD). Ước 6 tháng đầu năm, vốn đầu tư thực hiện đạt 460 triệu USD, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2014. Thành phố đã tổ

chức hội nghị gặp gỡ đối thoại với 37 dự án đầu tư nước ngoài trên địa bàn đề tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy đầu tư; sau hội nghị đã chỉ đạo các sở, ngành giải quyết cụ thể các vướng mắc liên quan với từng dự án để đẩy nhanh tiến độ.

Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng, số doanh nghiệp ngừng hoạt động giảm. Tính đến 15/5, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 6.717, tăng 22,1%; vốn đăng ký đạt 42.498 tỷ đồng, tăng 49,1% so với cùng kỳ năm 2014; Trong 4 tháng đầu năm có 4.211 doanh nghiệp ngừng hoạt động (giảm 17% so cùng kỳ), trong đó, 401 doanh nghiệp giải thể, 2.098 bỏ địa chỉ kinh doanh, 1.712 tạm ngừng kinh doanh.

4. Thương mại dịch vụ

4.1. Nội thương: Tháng Sáu năm 2015, tổng mức bán hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 150.403 tỷ đồng tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 8,7% so với cùng kỳ, trong đó bán lẻ 36047 tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 9,7% so với cùng kỳ.

Đang là tháng cao điểm của mùa hè nên doanh thu một số mặt hàng như: quạt điện, điều hoà, quạt tích điện, thiết bị lưu điện, đèn sạc, máy phát điện và các dịch vụ giải khát.... tăng.

Ước tính 6 tháng đầu năm 2015, tổng mức bán hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 887.770 tỷ đồng, tăng 10,5% so cùng kỳ, trong đó bán lẻ đạt 209.876 tỷ đồng tăng 10,3%. Tốc độ tăng của tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ 6 tháng năm nay nếu loại trừ yếu giá tăng 9,6% so cùng kỳ.

Tổng mức bán ra chia theo thành phần kinh tế: Kinh tế nhà nước 260.502 tỷ đồng tăng 7,1% so cùng kỳ, kinh tế ngoài nhà nước 583.162 tỷ đồng tăng 12,5%, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 44.106 tỷ đồng tăng 5,6%.

4.2. Ngoại thương: Tháng Sáu năm 2015, kim ngạch xuất khẩu đạt 897 triệu USD tăng 2,7% so với tháng trước và giảm 5,6% so cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu địa phương ước đạt 627 triệu USD tăng 2,6% so tháng trước, giảm 5,7% so cùng kỳ. Trong tháng Sáu, một số mặt hàng có tốc độ tăng khá so tháng trước là: hàng dệt may tăng 3,7%, thủ công mỹ nghệ tăng 6,7%...

Ước tính 6 tháng năm 2015, kim ngạch xuất khẩu đạt 5.306 triệu USD giảm 1,2% so cùng kỳ, trong đó xuất khẩu địa phương giảm 1,1%. Một số nhóm hàng xuất khẩu tăng khá so cùng kỳ là: giày dép các loại và sản phẩm từ da (tăng 4,4%), linh kiện máy tính và thiết bị ngoại vi (tăng 3,8%). Nhóm hàng nông sản có kim ngạch xuất khẩu giảm nhẹ so cùng kỳ (giảm 0,1%). Ngoài mặt hàng hạt tiêu có tốc độ tăng khá, còn lại các mặt hàng như gạo, chè, cà phê, sắn ...đều giảm mạnh. Từ đầu năm đến nay, nhiều thị trường xuất khẩu gạo chủ lực của Hà Nội như Cu Ba, Trung Quốc, châu Phi đều giảm

lượng nhập khẩu. Bên cạnh đó, gạo của nước ta còn chịu sự cạnh tranh rất lớn từ một số nước khác như Thái Lan, Ấn Độ và Pakistan.

Một số thị trường xuất khẩu lớn của Hà Nội là: Mỹ (chiếm 14,6%), Nhật Bản (chiếm 12,9%), Trung Quốc (chiếm 13,2%)...

Tháng Sáu năm 2015, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 2.061 triệu USD, tăng 1,1% so tháng trước, giảm 1,5% so cùng kỳ. Trong đó, nhập khẩu địa phương đạt 882 triệu USD tăng 0,2% so tháng trước và giảm 1,9% so cùng kỳ

Ước tính 6 tháng năm 2015, kim ngạch nhập khẩu đạt 11.814 triệu USD tăng 2,1% so cùng kỳ, trong đó nhập khẩu địa phương ước tăng 2,5%. Trị giá nhập khẩu một số mặt hàng 6 tháng tăng so với cùng kỳ là: máy móc thiết bị phụ tùng (tăng 7,2%), hoá chất (tăng 10,2%). Mặt hàng nhập khẩu giảm mạnh so cùng kỳ là xăng dầu (giảm 28,2%).

Thị trường nhập khẩu chủ yếu của Hà Nội là Trung Quốc chiếm 33,5% tổng kim ngạch nhập khẩu, Nhật Bản chiếm 9,9%, Singapore 8,2%.

4.3. Du lịch: Tháng Sáu năm 2015, khách Quốc tế vào Hà Nội khoảng 162 nghìn lượt khách, giảm 6,1% so tháng trước và tăng 67,9% so cùng kỳ. Khách quốc tế lưu trú tại Hà Nội chia theo phương tiện đến như sau: Bằng đường hàng không là 136,5 nghìn lượt người, giảm 6% so tháng trước; đến bằng đường biển, đường bộ 25,7 nghìn lượt người, giảm 6,9%. Doanh thu khách sạn, lữ hành tăng 0,2% so tháng trước và tăng 3% so cùng kỳ.

Ước tính 6 tháng năm 2015, lượng khách quốc tế lưu trú tại Hà Nội là 1129 nghìn lượt người tăng 8,8% so cùng kỳ. Trong đó, khách đến với mục đích du lịch, nghỉ dưỡng 901 nghìn lượt tăng 7,7% so cùng kỳ, khách đến vì công việc 200 nghìn lượt tăng 12,6%.

Khách quốc tế lưu trú tại Hà Nội 6 tháng năm 2015 chia theo phương tiện đến như sau: Bằng đường hàng không là 961,3 nghìn lượt người, tăng 20,7% so với cùng kỳ; đến bằng đường biển, đường bộ 167,8 nghìn lượt người, giảm 30,5%. Trong 6 tháng năm 2015, khách quốc tế lưu trú tại Hà Nội đến từ một số thị trường so cùng kỳ tăng cao là: Hàn Quốc (tăng 61,1%), Thái Lan (tăng 25,8%), Mỹ (tăng 21,2%)...

Ước tính 6 tháng đầu năm 2014, khách nội địa đến Hà Nội tăng 5,8% so cùng kỳ năm trước.

Nhằm thu hút khách, đồng loạt nhiều công ty đã xúc tiến các tour giảm giá với nhiều hình thức khuyến mãi. Các tour du lịch nước ngoài có giá ưu đãi cũng đang là lựa chọn của nhiều gia đình và cá nhân trong mùa du lịch này.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tăng 3,2% so cùng kỳ.

4.4. *Giá cả thị trường*: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Sáu năm 2015 tăng 0,13% so với tháng trước và tăng 0,98% so cùng kỳ. Nguyên nhân khiến chỉ số giá tháng này tăng là do giá xăng dầu được điều chỉnh tăng từ 20/5 khiến cho nhóm giao thông tăng (tăng 3,58% so với tháng trước). Ngoài nhóm giao thông có chỉ số tăng cao các nhóm còn lại đều tăng nhưng mức tăng không đáng kể.

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,43%, trong đó, lương thực giảm 0,55%, thực phẩm giảm 0,72%. Nguyên nhân khiến giá gạo giảm là do nguồn cung dồi dào, miền Bắc được mùa với năng suất cao khiến nguồn cung khá dồi dào, bên cạnh đó lượng gạo xuất khẩu giảm, lượng gạo tồn kho tại các tỉnh phía Nam khá lớn. Các mặt hàng khác trong nhóm lương thực như mì tôm, bánh đa, khoai lang... giữ giá ổn định. Hầu hết các mặt hàng trong nhóm thực phẩm giảm. Nguyên nhân khiến nhóm thực phẩm giảm là do giá thịt lợn tại các chợ tiếp tục giảm so với cuối tháng Năm. Giá thịt lợn giảm do nguồn cung dồi dào, thời tiết nắng nóng nên nhu cầu của người dân không cao. Dự báo nhóm hàng này sẽ tiếp tục giảm trong tháng tới. Rau xanh giảm do thời tiết thuận lợi nên một số loại rau chính vụ tăng trưởng tốt. Ăn uống ngoài gia đình tăng nhẹ (tăng 0,3%) so tháng trước.

Giá một số mặt hàng trong nhóm may mặc như vải, quần áo, giày dép mùa hè có xu hướng tăng nhẹ.

Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,06% so tháng trước. Nguyên nhân do nắng nóng nên sản lượng điện, nước tiêu thụ tăng khiến cho giá điện bình quân tăng lên. Giá dầu hỏa giữ nguyên. Giá gas bán lẻ giảm do giá gas thế giới giảm. Các mặt hàng khác trong nhóm như sắt, thép... giảm nhẹ; đá, cát, sỏi... tăng nhẹ do giá xăng tăng nên chi phí vận chuyển tăng.

Trong tháng, chỉ số giá vàng tăng trở lại (tăng 0,69% so tháng trước) và chỉ số giá USD cũng tăng 0,78%.

4.5. *Vận tải*: Tháng Sáu năm 2015 so tháng trước, khối lượng hàng hoá vận chuyển tăng 0,4%; khối lượng hàng hoá luân chuyển tăng 2,5%; doanh thu vận chuyển hàng hoá tăng 0,8%. Khối lượng hành khách vận chuyển tăng 0,5%; khối lượng hành khách luân chuyển tăng 0,6%; doanh thu vận chuyển hành khách tăng 1,5%.

Dự kiến 6 tháng đầu năm 2015 so cùng kỳ năm trước, khối lượng hàng hoá vận chuyển tăng 9,5%; khối lượng hàng hoá luân chuyển tăng 11,9%; doanh thu vận chuyển hàng hoá tăng 13,7%. Khối lượng hành khách vận

chuyển tăng 10,7%; khối lượng hành khách luân chuyển tăng 12%; doanh thu vận chuyển hành khách tăng 14,2%.

5. Sản xuất nông nghiệp

5.1. Trồng trọt:

Cây hàng năm: Hiện nay, trên địa bàn các quận huyện đang thu hoạch lúa xuân, đến nay đã cơ bản thu hoạch xong, chỉ còn một số diện tích cây muộn thuộc các huyện Sóc Sơn, Đông Anh và Gia Lâm đang thu hoạch, đồng thời chuẩn bị các điều kiện tốt nhất cho sản xuất vụ Mùa.

- Diện tích: Diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân năm 2015 đạt 173.442 ha, tăng 2,8% so cùng kỳ năm trước (chủ yếu do diện tích vụ Đông tăng). Diện tích một số cây trồng chủ yếu: lúa 100.942 ha, giảm 0,6%; ngô 16.816 ha, tăng 5,6%; khoai lang 3.600 ha, tăng 19,7%; đậu tương 18.735 ha, tăng 9,7%; rau, đậu 27.558 ha, tăng 7,3%,...

Công tác dồn điền đổi thửa tại một số xã đã cơ bản hoàn thành nên nhân dân có điều kiện thuận lợi gieo trồng cây vụ Đông như: Sóc Sơn, tổng diện tích gieo trồng tăng 645 ha (trong đó, tập trung ở cây ngô tăng 375 ha); Ba Vì, tổng diện tích tăng 623 ha (trong đó, ngô tăng 375 ha, khoai lang tăng 119 ha,...).

- Năng suất: do thời tiết đầu vụ gieo cấy nắng ấm, nhiệt độ trung bình cao nên khi cây xong cây lúa phát triển nhanh. Đến thời kỳ lúa đẻ nhánh, làm đồng lượng mưa ít, kèm theo sâu bệnh gây hại cục bộ ở một số diện tích lúa và hoa màu nên đã ảnh hưởng tới năng suất. Cụ thể, năng suất lúa vụ Xuân 2015 ước đạt 60,9 tạ/ha, giảm 0,4% so cùng kỳ; ngô ước đạt 48,5 tạ/ha, tăng 0,2%; khoai lang 98,6 tạ/ha, giảm 4,4%; rau các loại 208,1 tạ/ha; tăng 2,9%; đậu tương 14,6 tạ/ha, tăng 1,2%;...

- Ước tính sản lượng một số loại cây trồng: Lúa ước đạt 614.386 tấn, giảm 1,0%; Ngô đông xuân 81.575 tấn, tăng 5,9%; khoai lang đông xuân 35.846 tấn, tăng 14,4%; Đậu tương 27.328 tấn, tăng 11%; Lạc 6.540 tấn, giảm 10,2%; Rau các loại 486.693 tấn, tăng 10,1%,....

Cây lâu năm: ước tính 6 tháng đầu năm, diện tích cây lâu năm hiện có là 18.800 ha, tăng 7,3% so cùng kỳ (trong đó, cây ăn quả 14.898 ha, tăng 6,9%). Cụ thể như sau: Nhóm cây ăn quả nhiệt đới, cận nhiệt đới hiện có 6.601 ha, tăng 4,8% (trong đó: xoài 420 ha, tăng 1,5%; Chuối 31.53 ha, tăng 5,2%; thanh long 46 ha, tăng 41,6%; dứa 303 ha, giảm 2,8%; Na 139 ha, giảm 1,3%; đu đủ 668 ha, giảm 8,5% so với cùng kỳ); nhóm cây ăn quả có múi khác 3.749 ha, tăng 4,1%; cây ăn quả chứa dầu có 13,4 ha, tăng 2,8%; cây chè 3.304 ha, tăng 15,4 so cùng kỳ.

Về sản lượng, Nhóm cây ăn quả như xoài, chuối, thanh long tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu trong nước. Cụ thể, sản lượng thu hoạch cây xoài 2.828 tấn, tăng 44,5%; Chuối 38.800 tấn, tăng 29%; thanh long 22 tấn, tăng 9,5%; Cây dừa 3.683 tấn, giảm 5%; đu đủ 4.911 tấn, giảm 9% so với cùng kỳ năm 2014.

Nhìn chung, ước tính 6 tháng đầu năm của các địa phương trên địa bàn thành phố Hà Nội thì tổng diện tích gieo trồng cây lâu năm biến động không nhiều so với cùng kỳ năm trước nhưng cơ cấu các loại cây trồng có sự biến động phù hợp với điều kiện canh tác của từng địa phương để mang lại hiệu quả kinh tế cao.

5.2. Chăn nuôi: Ước tính đàn trâu hiện có 24.180 con, đàn bò 141.661 con (trong đó, đàn bò sữa có 14.848 con); lợn 1,4 triệu con, tăng 3% (trong đó đàn lợn thịt 1,3 triệu con, tăng 6,6% so cùng kỳ).

Đàn gia cầm hiện có 25,6 triệu con (trong đó, đàn gà 16,1 triệu con, tăng 4,9%; đàn vịt, ngan, ngỗng 6,2 triệu con, giảm 0,9% so cùng kỳ). Nguyên nhân đàn gia súc, gia cầm năm nay tăng so với cùng kỳ do từ đầu năm đến nay các dịch bệnh được kiểm soát, không có ổ dịch bệnh nào xảy ra trên địa bàn Thành phố. Các địa phương thường xuyên tổ chức các đợt tiêm phòng dịch, giá cả thức ăn chăn nuôi vẫn giữ ổn định, giá thực phẩm trên thị trường cũng được giữ vững, nên bà con nông dân đã đầu tư chăn nuôi khá ổn định.

Về sản lượng sản phẩm chăn nuôi: Số trâu, bò xuất chuồng và sản lượng thịt hơi ước tính như sau: Số trâu xuất chuồng 2.904 con, tăng 1,4%; sản lượng 748 tấn, tăng 2,6%. Số bò xuất chuồng 25.777 con, tăng 12,5%; sản lượng đạt 5.009 tấn, tăng 10,1%; sản lượng sữa tươi đạt 16.926 tấn, tăng 8,5%.

Số đầu lợn xuất chuồng giảm nhẹ so với cùng kỳ: Số lợn xuất chuồng 1,7 triệu con, giảm 0,1%, sản lượng thịt hơi 150.933 tấn, giảm 0,6%. Đàn gia cầm số lượng xuất chuồng 20,4 triệu con, tăng 4,1%; sản lượng thịt hơi 41.721 tấn, tăng 3,5%; sản lượng trứng trong kỳ 657,8 triệu quả, tăng 6,2%.

Từ đầu năm đến nay, tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm ổn định, không xảy ra các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm. Giá cả đầu vào, đầu ra như giống, thức ăn chăn nuôi ổn định, đã tạo điều kiện cho người dân trên địa bàn Thành phố phát triển chăn nuôi.

5.3. Lâm nghiệp: Ước tính 6 tháng đầu năm diện tích rừng được trồng mới 124 ha, giảm 1,6% so với cùng kỳ, trong đó rừng sản xuất trồng mới 113 ha, giảm 0,9%, rừng phòng hộ trồng được 11 ha, giảm 8,3% so với cùng kỳ

2014. Diện tích rừng trồng mới tập trung ở 3 huyện là: Quốc Oai 20 ha, Thạch Thất 64 ha, Ba vì 29 ha. Diện tích rừng trồng được giao chăm sóc là 766 ha, tăng 1,4%. Diện tích rừng được giao khoán bảo vệ 11.384 ha, tăng 2,1% và được tập trung tại 4 huyện: Sóc Sơn, Ba Vì, Thạch Thất và Mỹ Đức. Rừng được khoanh nuôi tái sinh là 32 ha. Số cây lâm nghiệp phân tán đã trồng gần 735,8 ngàn cây, tăng 44,4% so với cùng kỳ.

Tình hình khai thác gỗ và lâm sản 6 tháng đầu năm nhìn chung tăng hơn cùng kỳ năm trước, tập trung ở khu vực rừng trồng; Các loại cây khai thác phần lớn là cây Bạch đàn, Keo làm nguyên liệu giấy và gỗ chống lòi, cốppha xây dựng. Tổng số gỗ khai thác ước tính 8.151 m³, tăng 1,4%; Củi khai thác được 13.256 Ste, tăng 6,1%; Nứa hàng 45 ngàn cây, tre, luồng 936 ngàn cây, song mây 21 tấn,...

Thiệt hại rừng: Tính từ đầu năm đến hết tháng 5, trên địa bàn Thành phố đã không xảy ra vụ cháy rừng nào. Từ đầu tháng 6 đến nay do thời tiết nắng, nóng nên trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 1 vụ cháy rừng với diện tích bị cháy là 0,2 ha diện tích rừng trồng, giá trị thiệt hại ước tính khoảng 0,4 triệu đồng; chưa phát hiện vụ chặt phá rừng làm nương rẫy nào.

Nhìn chung công tác bảo vệ, phòng chống cháy rừng vẫn được các cấp Ủy Đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm, chỉ đạo sát sao. Chi cục Kiểm Lâm phối hợp với các địa phương có rừng thực hiện tốt công tác tuyên truyền lưu động về bảo vệ và phòng chống cháy rừng, nên tuy có xảy ra 1 vụ cháy rừng nhưng thiệt hại không đáng kể.

5.4. *Thủy sản*: Ước tính 6 tháng đầu năm 2015, toàn Thành phố có 22.361 cơ sở nuôi trồng thủy sản, tăng 21,8% so với cùng kỳ, trong đó nuôi cá 22.000 cơ sở; nuôi lồng, bè 75 cơ sở; sản xuất giống 286 cơ sở. Chia theo hình thức nuôi thì nuôi thâm canh có 8.270 cơ sở, tăng 2,1% cùng kỳ; bán thâm canh 11.861 cơ sở; nuôi quảng canh còn 2.114 cơ sở, chiếm 9,5% số cơ sở nuôi trồng thủy sản. Cho đến nay, kỹ thuật nuôi thâm canh và bán thâm canh gắn với bảo vệ môi trường đã được định hình rõ. Tỷ lệ hộ nuôi trồng với kỹ thuật đơn giản truyền thống đã giảm so với cùng kỳ năm trước. Thay vào đó là hình thức nuôi ở trình độ kỹ thuật cao, tuân thủ theo các qui tắc kỹ thuật tác động đến quá trình phát triển và sinh trưởng của con giống, cho năng suất cao hơn so với phương pháp nuôi truyền thống.

Về diện tích nuôi trồng thủy sản: Toàn Thành phố ước đạt 17.855 ha, tăng 11,2% so với cùng kỳ. Trong đó diện tích nuôi cá 17.767 ha tăng 11,4%; Diện tích ương nuôi giống thủy sản là 79 ha giảm 9,9%. Số lồng bè là 175 lồng, giảm 4,9% so với cùng kỳ.

Về sản lượng: Ước tổng sản lượng thủy sản 6 tháng toàn Thành phố đạt 38.199 tấn, tăng 5,1% so với cùng kỳ. Trong đó sản lượng thủy sản khai thác 1.552 tấn, tăng 1% so với cùng kỳ.

Sản lượng nuôi trồng ước đạt 36.647 tấn, tăng 5,3%, trong đó nuôi cá 36.640 tấn, tăng 5,3%; thủy sản khác 6,7 tấn;....

Nhìn chung, với mô hình chuyển đổi mục đích sản xuất, từ trồng cây hàng năm sang nuôi trồng thủy sản, đã tạo điều kiện để ngành nuôi trồng thủy sản phát triển. Tuy nhiên, cần tiếp tục nghiên cứu, kiểm soát dịch bệnh, tăng cường đầu tư cho thủy sản cũng như chủ động, tích cực trong công tác qui hoạch. Bên cạnh đó cần nắm vững qui luật thời tiết, hướng dẫn kỹ thuật, chủ động sản xuất con giống hướng đến một ngành nuôi trồng thủy sản phát triển bền vững.

6. Trật tự an toàn xã hội:

Tháng Năm năm 2015, trên địa bàn Thành phố:

- Đã phát hiện 468 vụ phạm pháp hình sự, tăng 1,5% so cùng kỳ năm trước, trong đó có 366 vụ do công an khám phá, tăng 6,4%; số đối tượng bị bắt, giữ theo Luật 680 người, tăng 36,5%. Lũy kế từ đầu năm, đã phát hiện ra 2.459 vụ phạm pháp hình sự, tăng 14,4% so cùng kỳ năm trước (trong đó, có 1.959 vụ do công an khám phá, tăng 17%), số đối tượng bị bắt, giữ theo Luật là 3.771 người, tăng 19,6% so cùng kỳ.

- Đã phát hiện 137 vụ phạm pháp kinh tế, giảm 19,4% so cùng kỳ; số đối tượng phạm pháp là 139 người, giảm 28%; thu nộp ngân sách hơn 31 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, trên địa bàn Thành phố có 963 vụ phạm pháp kinh tế với 1.016 đối tượng vi phạm, tăng 3% về số vụ và 1,4% về đối tượng vi phạm, thu nộp vào ngân sách gần 87 tỷ đồng.

- Đã phát hiện 37 vụ cờ bạc, bắt giữ 241 người, giảm 31,5% về số vụ và 23% về số đối tượng bị bắt giữ so cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, trên địa bàn Thành phố có 251 vụ cờ bạc bị phát hiện, giảm 60,6%; số đối tượng bị bắt giữ 1.546 người, giảm 17,9% so cùng kỳ.

- Đã phát hiện 296 vụ với 370 đối tượng buôn bán, tàng trữ và vận chuyển ma túy. Lũy kế, đã có 929 vụ buôn bán ma túy, giảm 26,5%, số đối tượng bị bắt 1.158 người, giảm 27,1% so cùng kỳ.

- Tình hình trật tự an toàn giao thông: Trong tháng Năm, toàn Thành phố đã xảy ra 149 vụ tai nạn giao thông làm 56 người chết và 116 người bị thương. Lũy kế từ đầu năm, trên địa bàn thành phố đã xảy ra 726 vụ tai nạn giao thông, làm chết 261 người và bị thương 594 người.

7. Tài chính - Tín dụng:

7.1. Tài chính: Tổng thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm ước thực hiện 72.436 tỷ đồng (không bao gồm thu từ cổ tức và lợi nhuận còn lại của các DNNN), đạt 51,1% dự toán, tăng 13,3% so với cùng kỳ (nếu tính cả thu cổ tức và lợi nhuận còn lại của các DNNN thì đạt 60,9% dự toán), trong đó, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 6.197 tỷ đồng, đạt 48,9% dự toán, tăng 12%; thu từ dầu thô 2.142 tỷ đồng, đạt 53,6% dự toán và bằng 55,5% so với cùng kỳ; thu nội địa ước thực hiện 64.097 tỷ đồng, đạt 51,3% dự toán, tăng 17,5% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm ước thực hiện 26.965 tỷ đồng, đạt 45,6% dự toán, tăng 13,2% so với cùng kỳ; trong đó, chi ngân sách cấp Thành phố đạt 44,3%, chi ngân sách quận, huyện, thị xã đạt 47,4% dự toán. Chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Thành phố là 11.687 tỷ đồng, đạt 48,1% dự toán, tăng 13,1% so với cùng kỳ. Các khoản chi thường xuyên ước thực hiện 15.180 tỷ đồng, đạt 46,2% dự toán, tăng 12,6% so với cùng kỳ, trong đó, chi thường xuyên ngân sách Thành phố đạt 44,9% dự toán, quận, huyện, thị xã đạt 47,5%. Nhìn chung ngân sách đã chủ động, đảm bảo, đáp ứng kịp thời, đầy đủ các khoản chi cho các cấp, các ngành thực hiện nhiệm vụ phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh theo đúng dự toán được giao và phù hợp với tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị.

7.2. Tín dụng: Tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn ước tính tháng Sáu đạt 1.288 nghìn tỷ đồng, tăng 1% so tháng trước và tăng 8,2% so tháng 12/2014; trong đó, tiền gửi tăng 1% so tháng trước và tăng 8,5% (tiền gửi tiết kiệm tăng 0,8% và 13,9%, tiền gửi thanh toán tăng 1,1% và tăng 4,7%), phát hành giấy tờ có giá tăng 1,7% và tăng 2,8%.

Tổng dư nợ cho vay ước tính tháng Sáu gần 1.102 nghìn tỷ đồng, tăng 0,3% so tháng trước và tăng 9% so tháng 12/2014, trong đó dư nợ ngắn hạn tăng 0,2% và tăng 8,7%, dư nợ trung và dài hạn tăng 0,4% và 9,5%.

7.3. Thị trường chứng khoán:

Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/6, trên hai sàn chứng khoán do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 560 doanh nghiệp niêm yết (trong đó, HNX có 361 doanh nghiệp và Upcom có 199 doanh nghiệp), với giá trị niêm yết đạt 126.302 tỷ đồng, tăng 7,6% so với đầu năm (trong đó: HNX đạt 96.669 tỷ đồng, tăng 3,6%; Upcom đạt 29.633 tỷ đồng, tăng 22,9%). Vốn hóa toàn thị trường đạt 185.954 tỷ đồng, tăng 7,4% so với đầu năm (trong đó: HNX đạt 146.100 tỷ đồng, tăng 7,4%; Upcom đạt 39.854 tỷ đồng, tăng 7,2%).

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX)

Tiếp tục đà tăng của những phiên cuối tháng trước, cùng với đó những thông tin hỗ trợ thị trường liên tục được đưa ra như: Tín dụng toàn hệ thống ngân hàng tăng; UBCK lấy ý kiến các thành viên thị trường về quy trình rút ngắn thời gian thanh toán từ T+3 xuống T+2; sửa đổi thông tư số 74/2011/TT-BTC,... đã làm cho thanh khoản của thị trường được cải thiện.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/6, chỉ số HNX-Index đạt 88,36 điểm, tăng 5,38 điểm tương đương 6,5% so với đầu năm (chỉ số HNX30 đạt 171,02 điểm, tăng 10,19 điểm, tương đương 6,3% so với đầu năm).

Trong 11 phiên giao dịch đầu tháng Sáu, khối lượng giao dịch đạt 734 triệu CP, với giá trị giao dịch đạt 9.036 tỷ đồng. Trong đó, giao dịch khớp lệnh đạt 707 triệu CP, với giá trị giao dịch đạt 8.657 tỷ đồng và giao dịch thỏa thuận đạt 27 triệu CP, với giá trị đạt 379 tỷ đồng. Bình quân một phiên giao dịch, có 66,7 triệu được chuyển nhượng, với giá trị chuyển nhượng đạt 821,4 tỷ đồng, tăng 41,6% về khối lượng và 57,7% về giá trị so với bình quân chung của tháng Năm.

Lũy kế, khối lượng giao dịch đạt 4.992 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị chuyển nhượng đạt 61.567 tỷ đồng, bằng 63,3% về khối lượng và 78,1% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom)

Kết thúc phiên giao dịch 15/6, chỉ số Upcom-Index đạt 59,07 điểm, giảm 1,23 điểm, tương ứng với mức giảm 2% so với đầu năm.

Trong 11 phiên giao dịch đầu tháng Sáu, khối lượng giao dịch đạt 34 triệu CP, với giá trị giao dịch đạt 314 tỷ đồng. Bình quân một phiên giao dịch có 3,1 triệu CP được chuyển nhượng với giá trị bình quân đạt 28,5 tỷ đồng, bằng 130,4% về khối lượng và 79,8% về giá trị so với bình quân chung của tháng Năm.

Lũy kế từ đầu năm, khối lượng giao dịch đạt 287 triệu CP được chuyển nhượng với giá trị đạt 4.274 tỷ đồng, tăng 70,4% về khối lượng và 273,3% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động cấp mã giao dịch

Trong tháng Năm, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã cấp được 99 mã số giao dịch cho các nhà đầu tư nước ngoài (trong đó: cá nhân được cấp 81 mã và tổ chức được cấp 18 mã) đưa tổng số mã đã cấp cho nhà đầu tư nước ngoài từ đầu năm đến nay đạt 305 mã. Lũy kế, VSD đã cấp được 17.873 mã số giao dịch, trong đó cá nhân là 15.201 và tổ chức là 2.672.

Số tài khoản giao dịch của các nhà đầu tư được cấp mới trong tháng 5 đạt 11.772 (trong đó, cá nhân trong nước 11.623, tổ chức trong nước 73; cá nhân nước ngoài đạt 63 và tổ chức nước ngoài 13). Lũy kế từ đầu năm, số tài khoản được cấp mới 49.699 (trong đó: cá nhân trong nước 48.855; tổ chức trong nước 457; cá nhân nước ngoài 217; tổ chức nước ngoài 170).

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Cục Thống kê một số tỉnh, TP;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

6 - 5 - 1946

Công Xuân Mùi

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Giá so sánh 2010)

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

Phân theo ngành kinh tế	Thực hiện 6 tháng 2014	Ước tính 6 tháng 2015	$\frac{6T/2015}{6T/2014}$
TỔNG SỐ	174363	187879	107.8
I. Chia theo ngành cấp I			
- Nông - lâm, thủy sản	8613	8857	102.8
- Công nghiệp	53618	57196	106.7
- Xây dựng	18201	20104	110.5
- Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ	18553	20077	108.2
- Vận tải kho bãi	11996	13077	109.0
- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	6112	6232	102.0
- Thông tin và truyền thông	20456	22587	110.4
- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	7325	7887	107.7
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	5335	5856	109.8
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	4696	5070	108.0
- Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1034	1109	107.3
- Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức CT-XH, quản lý NN và an ninh QP, đảm bảo xã hội bắt buộc	3438	3699	107.6
- Giáo dục và đào tạo	7693	8311	108.0
- Y tế và hoạt động cứu trợ XH	2469	2649	107.3
- Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1658	1786	107.7
- Các ngành khác còn lại	3166	3382	106.8
II. Chia theo 3 ngành lớn			
- Nông - lâm, thủy sản	8613	8857	102.8
- Công nghiệp, xây dựng	71819	77300	107.6
- Dịch vụ	93931	101722	108.3

I. CHỈ SỐ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: %

	Chính thức tháng 5		Dự kiến tháng 6		Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 6/2015 so với cùng kỳ năm trước
	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 5/2014	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 6/2014	
Toàn ngành	113.69	106.71	114.61	107.29	106.77
1. Khai Khoáng	62.92	66.57	56.47	62.61	86.93
- Khai khoáng khác	62.92	66.57	56.47	62.61	86.93
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	112.98	106.90	113.97	107.61	106.96
- Sản xuất chế biến thực phẩm	99.69	94.17	101.47	100.01	92.20
- Sản xuất đồ uống	93.70	103.42	107.60	104.39	102.53
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá	130.43	98.41	114.84	82.06	101.66
- Dệt	104.07	80.91	103.96	126.55	90.35
- Sản xuất trang phục	164.94	102.78	173.83	102.75	118.97
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	99.85	109.02	102.45	134.02	139.01
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	114.00	131.89	91.87	100.16	121.27
- Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	145.82	111.69	128.02	121.05	109.02
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	274.97	149.36	256.51	119.03	123.47
- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	109.93	91.92	104.92	90.35	86.02
- SX sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	58.81	108.35	60.43	106.45	116.52
- Sản xuất kim loại	50.10	82.30	47.71	90.84	81.62
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	70.50	105.45	71.39	99.76	103.50
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	75.67	96.40	80.59	105.63	94.49
- Sản xuất thiết bị điện	96.08	89.08	100.07	79.89	99.71
- SX máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	46.25	107.30	46.83	106.00	103.73
- Sản xuất xe có động cơ	188.35	157.66	190.19	150.99	139.31
- Sản xuất phương tiện vận tải khác	155.45	105.70	163.07	116.02	104.14
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	198.79	93.55	212.99	108.13	99.26

Đơn vị tính: %

	Chính thức tháng 5		Dự kiến tháng 6		Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 6/2015 so với cùng kỳ năm trước
	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 5/2014	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 6/2014	
3. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, và điều hoà không khí	141.56	106.27	141.56	103.04	111.07
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, và điều hoà không khí	141.56	106.27	141.56	103.04	111.07
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	128.18	105.42	128.19	104.65	98.68
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước	145.99	109.35	146.18	109.45	96.80
- Thoát nước và xử lý nước thải	131.29	101.01	131.17	98.73	102.47
- Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	97.15	102.03	96.99	101.30	98.66

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

II. SẢN PHẨM CHỦ YẾU CÔNG NGHIỆP

	Đơn vị tính	Ước tính		% so sánh	
		Thực hiện tháng 6	Thực hiện 6T 2015	<u>T 6/2015</u> <u>T 5/2015</u>	<u>6T 2015</u> <u>6T 2014</u>
- Bia đóng chai	1000 Lít	23650	80146	114.9	83.4
- Bia đóng lon	1000 Lít	2690	21661	107.2	102.3
- Thuốc lá có đầu lọc	1000 Bao	80500	448193	88.0	83.9
- Vải dệt kim hoặc móc khác	1000 M ²	110	547	98.2	79.2
- Áo khoác dài, áo khoác không tay, áo khoác có mũ, áo gió cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	322	1184	123.8	93.3
- Áo sơ mi cho người lớn dệt kim, đan móc	1000 Cái	2766	10904	103.4	113.7
- Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần sóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	1392	7662	120.3	92.9
- Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, váy dài, váy, chân váy, quần dài, quần yếm, quần sóc cho trẻ em không dệt kim, đan móc	1000 Cái	1309	7055	89.5	85.6
- Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	2120	8207	105.7	91.2
- Bộ quần áo thể thao khác	1000 Cái	426	1843	103.4	180.7
- Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M ²	7877	39504	170.6	93.4
- Sản phẩm mây, tre đan các loại	1000 cái	3328	15818	103.5	109.5
- Giấy và bìa không tráng khác, dùng để viết, in và dùng cho mục đích in ấn	Tấn	574	2514	69.4	60.9
- Giấy và bìa khác (Giấy than, giấy duplex khổ lớn)	Tấn	2186	11369	99.5	94.8
- Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhấn)	1000 Chiếc	9491	36875	117.0	74.2
- Băng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh và các sản phẩm vệ sinh tương tự	Tấn	138	903	66.7	89.2
- Sổ sách, vở, giấy thép	Tấn	4830	21566	105.0	97.0
- Phân khoáng hoặc phân hóa học chứa 3 nguyên tố: nitơ, photpho và kali (NPK)	Tấn	7090	22604	106.1	71.4
- Thuốc trừ sâu khác và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	Tấn	1510	6634	82.3	89.1
- Dược phẩm chứa hóc môn nhưng không có kháng sinh dạng viên	Triệu Viên	270	1196	81.6	87.0
- Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Kg	210425	797315	106.2	217.5
- Dung dịch đậm huyết thanh	1000 Lít	536	3133	92.0	74.1
- Vắc xin dùng làm thuốc thú y	1000 Liều	11523	67216	90.0	129.0
- Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 Viên	65175	275921	99.4	87.1

- Sản phẩm gia dụng và các sản phẩm phục vụ vệ sinh khác bằng sứ (trừ bộ đồ ăn và bộ đồ nhà bếp)	1000 Cái	113	538	77.9	97.1
- SP vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	1000 Cái	143	643	104.4	83.2
- Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M ³	148146	619836	106.5	115.6
- Cửa ra vào, cửa sổ bằng nhôm	M ²	36640	133667	103.1	101.0
- Trạm (thiết bị) thu phát gốc	Cái	223177	930914	103.3	80.5
- Thiết bị và dụng cụ quang học khác chưa được phân vào đâu	1000 Cái	1165	5320	123.2	75.1
- Động cơ xoay chiều khác, đa pha có công suất bằng 750W	Chiếc	3678	17377	92.7	82.1
- Máy biến thế điện sử dụng điện môi lỏng công suất sử dụng không quá 650 KVA	Chiếc	146	521	129.2	92.4
- Máy biến thế điện sử dụng điện môi lỏng công suất sử dụng trên 650 đến 1000 KVA	Chiếc	140	804	106.9	99.0
- Máy biến thế điện sử dụng điện môi lỏng công suất sử dụng trên 1000 KVA	Chiếc	6	24	120.0	133.3
- Máy biến áp dùng cho thiết bị đo lường có công suất = 1 kVA	Chiếc	2159	10828	107.5	113.6
- Máy biến thế điện khác có công suất > 16 kVA	Chiếc	191	690	101.1	160.8
- Bộ phận của thiết bị phân phối và điều khiển điện	Tấn	308	1075	119.8	112.2
- Quạt bàn, quạt sàn, quạt tường, quạt cửa sổ, quạt trần hoặc quạt mái... công suất không quá 125 W	Cái	390637	1452403	101.1	86.8
- Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén chở được từ 10 người trở lên với tổng tải trọng = 6 tấn	Chiếc	590	2769	101.9	101.8
- Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa = 5 tấn	Chiếc	759	3155	102.2	201.1
- Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong có tổng trọng lượng tối đa = 5 tấn	Chiếc	150	816	118.1	144.2
- Xe có động cơ để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện, có tổng trọng lượng tối đa > 5 tấn và = 20 tấn	Chiếc	1074	4255	101.0	371.0
- Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	Cái	451154	2367288	100.9	75.9
- Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 Cái	26460	131765	95.9	112.3
- Xe mô tô, xe máy có gắn động cơ phụ trợ với động cơ piston đốt trong xi lanh > 50 cc nhưng = 250cc	Chiếc	69931	359981	118.2	73.4
- Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	Tấn	7228	35107	100.4	94.7
- Điện thương phẩm	Triệu Kwh	1051	5215	100.0	93.3

VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRÊN ĐỊA BÀN

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

	6T 2014	6T 2015	$\frac{6T\ 2015}{6T\ 2014}$
TỔNG SỐ	124038	136956	110.4
I. Vốn Nhà nước trên địa bàn	29815	30226	101.4
1. Vốn Trung ương quản lý	14737	14611	99.1
2. Vốn địa phương quản lý	15078	15615	103.6
II. Vốn ngoài Nhà nước	81693	94307	115.4
1. Vốn tự có của tổ chức, DN ngoài Nhà nước	70879	80337	113.3
2. Vốn đầu tư của dân cư	10814	13970	129.2
III. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	12530	12423	99.2
1. Vốn tự có	6818	6736	98.8
2. Vốn vay	5712	5687	99.6

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ

I. TỔNG MỨC VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG XÃ HỘI

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Dự kiến		% so sánh	
	Thực hiện tháng 6	Thực hiện 6T 2015	$\frac{T\ 6/2015}{T\ 5/2015}$	$\frac{6T\ 2015}{6T\ 2014}$
1. Tổng mức bán ra	150403	887770	101.2	110.5
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	44500	260502	101.1	107.1
+ Kinh tế ngoài nhà nước	98403	583162	101.4	112.5
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	7500	44106	100.8	105.6
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	125900	744200	101.4	111.3
+ Khách sạn - nhà hàng	3360	19520	101.1	103.7
+ Du lịch lữ hành	635	3820	99.2	100.9
+ Dịch vụ	20508	120230	100.6	107.0
2. Tổng mức bán lẻ	36047	209876	101.4	110.3
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	5100	29950	101.2	106.1
+ Kinh tế ngoài nhà nước	27107	157256	101.5	111.9
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	3840	22670	101.0	105.9
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	20350	119700	101.2	113.2
+ Khách sạn - nhà hàng	3360	19520	101.1	103.7
+ Du lịch lữ hành	635	3820	99.2	100.9
+ Dịch vụ	11702	66836	101.8	108.0
3. Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)				
+ Kinh tế Nhà nước	14.2	14.3	-	-
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	75.2	74.9	-	-
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	10.6	10.8	-	-

II. KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Đơn vị tính: Triệu USD

	Dự kiến		% so sánh	
	Thực hiện tháng 6	Thực hiện 6T 2015	$\frac{T\ 6/2015}{T\ 5/2015}$	$\frac{6T\ 2015}{6T\ 2014}$
1. Tổng kim ngạch XK trên địa bàn	897	5306	102.7	98.8
<i>Trong đó: XK địa phương</i>	<i>627</i>	<i>3717</i>	<i>102.6</i>	<i>98.9</i>
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
- Kinh tế nhà nước	293	1722	103.1	98.7
- Kinh tế ngoài nhà nước	190	1127	101.3	98.6
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	414	2457	103.1	99.0
<i>Chia theo nhóm hàng chủ yếu</i>				
- Hàng nông sản	104	622	97.2	99.9
<i>Trong đó: + Gạo</i>	<i>36</i>	<i>167</i>	<i>99.4</i>	<i>89.8</i>
+ Cà phê	18	140	94.7	78.4
+ Hạt tiêu	15	91	96.8	111.2
+ Chè	6	37	101.6	90.9
- Hàng may, dệt	112	661	103.7	99.0
- Giày dép các loại và SP từ da	18	119	102.2	104.4
- Hàng điện tử	45	283	104.7	96.0
- Linh kiện máy tính và thiết bị ngoại vi	132	759	101.0	103.8
- Hàng thủ công mỹ nghệ	16	89	106.7	94.0
- Xăng dầu (tạm nhập, tái xuất)	46	320	98.5	71.2
- Máy móc thiết bị phụ tùng	99	609	100.2	111.5
- Thủy tinh & các sản phẩm từ thủy tinh	30	171	103.4	104.0
- Phương tiện vận tải và phụ tùng	53	292	98.5	94.5
- Hàng hoá khác	242	1381	108.3	100.5

Đơn vị tính: Triệu USD

	Dự kiến		% So sánh	
	Thực hiện tháng 6	Thực hiện 6T 2015	$\frac{T\ 6/2015}{T\ 5/2015}$	$\frac{6T\ 2015}{6T\ 2014}$
2. Tổng kim ngạch NK trên địa bàn	2061	11814	101.1	102.1
<i>Trong đó: NK địa phương</i>	882	5083	100.2	102.5
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
- Kinh tế nhà nước	1272	7263	101.8	101.2
- Kinh tế ngoài nhà nước	357	2083	99.2	104.8
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	432	2468	100.8	102.4
<i>Chia theo nhóm hàng chủ yếu</i>				
- Máy móc thiết bị, phụ tùng	420	2304	100.5	107.2
- Vật tư, nguyên liệu (trừ xăng dầu)	794	4947	101.3	93.6
<i>Trong đó: + Sắt thép</i>	91	538	100.7	99.9
+ Phân bón	35	140	148.9	106.6
+ Hoá chất	28	162	106.3	110.2
+ Chất dẻo	61	367	101.6	102.3
+ Xăng dầu	356	1962	109.2	71.8
- Hàng hoá khác	847	4563	101.4	110.1

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

III. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ TẠI HÀ NỘI

Đơn vị tính: %

	Chỉ số giá tháng Sáu so với			Bình quân cùng kỳ
	Tháng trước	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước	
1. Chỉ số giá tiêu dùng	100.13	100.98	100.59	100.68
- Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	99.57	101.01	100.24	101.24
+ Lương thực	99.45	96.12	98.16	96.33
+ Thực phẩm	99.28	100.89	99.73	101.36
+ Ăn uống ngoài gia đình	100.30	103.86	102.53	103.56
- Đồ uống và thuốc lá	100.49	102.54	101.64	102.56
- May mặc, mũ nón, giày dép	100.14	104.00	101.63	104.40
- Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	100.06	99.10	101.86	97.25
- Thiết bị và đồ dùng gia đình	100.10	103.24	101.40	103.49
- Thuốc và dịch vụ y tế	100.05	100.58	100.30	100.60
- Giao thông	103.58	91.41	99.20	88.35
- Bưu chính viễn thông	100.00	100.55	99.84	100.49
- Giáo dục	100.00	108.72	100.07	108.75
- Văn hoá, giải trí và du lịch	100.17	102.59	101.22	102.71
- Hàng hoá và dịch vụ khác	100.10	103.68	101.51	103.74
2. Chỉ số giá vàng	100.69	95.74	100.93	96.00
3. Chỉ số giá Đô la Mỹ	100.78	103.01	102.07	101.94

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

IV. HOẠT ĐỘNG NGÀNH VẬN TẢI

	Dự kiến		% so sánh	
	Thực hiện tháng 6	Thực hiện 6T 2015	<u>T 6/2015</u> <u>T 5/2015</u>	<u>6T 2015</u> <u>6T 2014</u>
1. Doanh thu (Tỷ đồng)	5670	33258	100.9	113.2
a. Chia theo thành phần kinh tế				
+ Kinh tế Nhà nước	2260	13259	101.0	112.2
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	2529	14820	100.8	114.0
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	881	5179	100.7	113.5
b. Chia theo ngành hoạt động				
+ Vận tải hàng hoá	2490	14554	100.8	113.7
+ Vận tải hành khách	1227	7178	101.5	114.2
+ Hỗ trợ vận tải (cảng, xếp, đại lý vận tải...)	1953	11526	100.6	111.8
2. Sản lượng				
- Khối lượng hàng hoá vận chuyển (Triệu T)	45	264	100.4	109.5
- Khối lượng hàng hoá luân chuyển (Triệu T.km)	4040	23361	102.5	111.9
- Khối lượng hành khách vận chuyển (Triệu HK)	76	450	100.5	110.7
- Khối lượng HK luân chuyển (Triệu HK.Km)	1982	11709	100.6	112.0

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

	Đơn vị tính	Vụ Đông Xuân 2014	Vụ Đông Xuân 2015	% So sánh
* Tổng sản lượng cây lương thực có hạt	Tấn	697792	695962	99.7
I. Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Ha	168696	173442	102.8
<i>Trong đó:</i>				
- Lúa	"	101556	100942	99.4
- Ngô	"	15922	16816	105.6
- Rau các loại	"	21857	23393	107.0
- Đậu tương	"	17080	18735	109.7
- Lạc	"	3525	3145	89.2
II. Năng suất	Tạ/ha			
<i>Trong đó:</i>				
- Lúa	"	61.1	60.9	99.6
- Ngô	"	48	49	100.2
- Rau	"	202	208	102.9
- Đậu tương	"	14	15	101.2
- Lạc	"	20.7	20.8	100.7
III. Sản lượng	Tấn			
<i>Trong đó:</i>				
- Lúa	"	620729	614386	99.0
- Ngô	"	77063	81575	105.9
- Rau	"	442096	486693	110.1
- Đậu tương	"	24627	27328	111.0
- Lạc	"	7280	6540	89.8
IV. Giá trị sản xuất Nông - Lâm - Thủy Sản 6 Tháng đầu năm 2015 (giá 2010)	Tỷ đồng	16987	17781	104.7
<i>Chia ra:</i>				
Nông nghiệp	"	15853	16600	104.7
Lâm Nghiệp	"	30	31	102.7
Thủy sản	"	1104	1150	104.2

THU CHI NGÂN SÁCH

Đơn vị: Tỷ đồng

	Dự kiến 6 tháng năm 2015	% so sánh	
		<u>6 tháng 2015</u> <u>D.toán năm</u>	<u>6T 2015</u> <u>6T 2014</u>
I- TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	72436	51.1	113.3
Trong đó: 1. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	6197	48.9	112.0
2. Thu dầu thô	2142	53.6	55.5
3. Thu nội địa	64097	51.3	117.5
<i>Trong đó:</i>			
- Khu vực DNNN Trung ương	20312	42.6	105.1
- Khu vực DNNN địa phương	1143	51.9	85.2
- Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	9242	46.0	105.5
- Khu vực CTN và dịch vụ ngoài quốc doanh	11473	65.6	110.1
- Thu lệ phí trước bạ	2441	71.8	156.1
- Thuế thu nhập cá nhân	7104	60.2	118.4
- Thu phí và lệ phí	2157	40.7	115.7
- Thu tiền sử dụng đất	5029	45.7	185.6
II- TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	26965	45.6	113.2
<i>Trong đó:</i>			
1. Chi đầu tư phát triển	11687	48.1	113.1
Trong đó: Chi đầu tư XDCB	11135	47.8	109.3
2. Chi thường xuyên	15180	46.2	112.6
<i>Trong đó</i>			
- Chi sự nghiệp kinh tế	2508	43.5	115.8
- Chi sự nghiệp giáo dục và dạy nghề	4508	52.9	114.6
- Chi sự nghiệp y tế, dân số KHH gia đình	1469	49.8	113.4
- Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	2409	51.4	109.4
3. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10	100.0	100.0